TÒA ÁN NHÂN DÂN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2025/DS-ST
Ngày: 09/04/2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thăng
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông Võ Văn Tốt
2/ Bà Nguyễn Thị Mây

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Vũ Thế Chung – Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/04/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 154/2023/TLST-DS ngày 07/04/2023 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/QĐST-DS ngày 10/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 221/QĐST-DS ngày 10/03/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: T
Trụ sở: 266-268 N, Phường N, Quận Q, TP. M.
Người đại diện theo uỷ quyền ông M
Bị đơn: Bà H, sinh năm: 1990
Địa chỉ: 129/4C, Khu phố 1, phường T, Quận Q, Thành phố M

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/03/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đại diện theo ủy quyền là ông M trình bày: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 24/06/2019, Ngân hàng T đồng ý cấp thẻ tín dụng cho bà H số 472075-3658; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế Visa Platinum; hạn mức thẻ: 30.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: 03 năm; Tính theo biểu phí và điều khoản điều kiện Sacombank Visa Platinum từng thời kỳ, hình thức cấp thẻ: tín chấp. Quá trình sử dụng thẻ nêu trên bà Huyền đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 45,950,941 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 36.570.000 đồng. Kể từ ngày 22/08/2021 cho đến nay, bà H không tiếp tục thanh toán cho T. Nay T đề nghị Tòa án buộc bà H phải thanh toán số tiền gốc, lãi và phí tạm tính đến ngày 09/04/2025 nợ gốc là 34.894.479 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.617.052 đồng, tổng

cộng là 89.511.531 đồng. Ngoài ra bà Hcòn phải chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn bà H từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận Q đã tiến hành triệu tập bà H đến Tòa để giải quyết việc kiện của Ngân hàng T nhưng bà H không đến, sau khi tiến hành xác minh, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng trình tự, quy định của pháp luật nhưng bà H vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bà H theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu trong quá trình giải quyết vụ án. Về mặt tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân Quận 12 và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn bà H cư trú tại địa chỉ: 129/4C, Khu phố 1, phường T, Quận Q, Thành phố M. Ngân hàng T là một bên trong hợp đồng có đơn khởi kiện, nên thẩm quyền giải quyết vụ án này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân Quận Q, được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện đến ngày 16/03/2023 và chứng cứ kèm theo của Ngân hàng T, vụ án có quan hệ tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng ủy quyền cho M tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với quy định tại Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Từ khi thụ lý hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành triệu tập bà H đến Tòa để nhận thông báo thụ lý vụ án, viết bản tự khai, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà H vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời bà H đã vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H; nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 207, Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về yêu cầu của các đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T đối với H, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/06/2019 được ký kết giữa Ngân hàng T và bà H có cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã phát sinh quan hệ giao dịch hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Thực hiện hợp đồng, T đã cấp số thẻ tín dụng Visa Platinum cho bà H, bà Huyền đã thực hiện nhiều giao dịch với số tiền 45.950.941 đồng và đã thanh toán cho Tsố tiền

36.570.000 đồng. Tính đến ngày 09/04/2025 bà H còn nợ của T với tổng số tiền là 89.511.531 đồng (trong đó nợ gốc là 34.894.479 đồng; nợ lãi quá hạn là 54.617.052 đồng).

[5] Về khoản tiền nợ gốc: Xét trong thời hạn vay kể từ ngày kích hoạt thẻ cho đến nay bà Huyền sử dụng thẻ tín dụng để giao dịch nhiều lần và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp thẻ tín dụng được các bên xác lập vào ngày 24/06/2019 kèm theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng. Do bà Huyền đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Sacombank yêu cầu bà H phải thanh toán số nợ gốc gốc là 34.894.479 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về khoản tiền lãi quá hạn: Xét, H yêu cầu bà H phải thanh toán số tiền lãi 54.617.052 đồng là phù hợp với quy định về mức lãi suất theo thỏa thuận được quy định tại khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: 4.475.577 (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng do bị đơn bà H phải chịu; Trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 463, Điều 465 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án năm 2016;

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng T

Buộc bà T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng T số tiền tiền 89.511.531 (Tám mươi chín triệu năm trăm mười một nghìn năm trăm ba mươi mốt) đồng (trong đó nợ gốc là 34.894.479 đồng; nợ lãi quá hạn là 54.617.052 đồng), thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà H phải chịu số tiền án phí là 4.475.577 (Bốn triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng;

- Trả lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 942.675 (Chín trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm bảy mươi lăm) đồng, theo biên lai thu tiền số 0005677 ngày 07/04 /2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (Đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014".

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM; (1)
- VKSND Q.12; (1)
- CC.THADS Q. 12; (1)
- Hai bên đ/sư; (2)
- Lưu: Hồ sơ, Vp. (3)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thăng